

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 407/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 6 – 2020.

V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Bà Hoàng Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1112/2019/TLST-HN ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Đắc Nh.T, sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn Pát Đư, xã H.Q, huyện A.L, T.Th.H.

Bị đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ 23, KV5, P. G.R, TP. QN, tỉnh BĐ, hiện đang tạm trú tại: Tổ 46, KV9, P. HC, TP. QN, tỉnh BĐ (nhà hàng Hải Minh, phường HC).

(Chị T có mặt, anh V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/12/2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn, chị Hồ Đắc Nh.T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn V trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu 01 năm, đến ngày 13/12/2010 anh, chị đăng ký kết hôn tại UBND xã HQ, huyện A. L,

tỉnh T.T.H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ ruột chị ở xã HQ, huyện A L, tỉnh T.T.H. Sau khi chị sinh con đầu lòng vào năm 2012, con được 7 tháng tuổi thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thời điểm đó anh V chuyển công tác vào Th.H làm việc. Vợ chồng sống ly thân được khoảng 4 năm, đến năm 2017 thì vợ chồng tự hàn gắn và quay lại chung sống với nhau, vợ chồng cùng chuyển đến TP. QN sinh sống, làm việc. Đến cuối tháng 9/2019 vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không cùng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên kinh cãi. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 10/2019 đến nay, hiện nay chị và các con đã chuyển về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột chị ở tỉnh T.T.H, anh V không quan tâm đến vợ con, không gọi điện hỏi thăm, không phụ giúp về kinh tế để chị nuôi con.

Nay chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân quá bế tắc, không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Phạm Văn V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn Nh.L, sinh ngày 22/4/2012 và Phạm Văn Th.A, sinh ngày 02/7/2018. Hiện nay con chung đang sống với chị, sức khỏe tốt. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Chị và anh V thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

**Bị đơn anh Phạm Văn V trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2020:*

Anh và chị T trước khi kết hôn có tìm hiểu 01 năm, đến ngày 13/12/2010 anh chị đăng ký kết hôn tại huyện AL, tỉnh T.T.H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị T đã nhiều lần viết đơn xin ly hôn, sau đó vợ chồng đã tự hàn gắn và đoàn tụ với nhau. Từ năm 2012 đến năm 2017 vợ chồng đã tự sống ly thân, sau đó vì con nên vợ chồng đã quay lại chung sống với nhau.

Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh, anh không đồng ý. Mặc dù tình cảm giữa anh và chị T không còn nữa nhưng vì con còn nhỏ nên anh mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng hàn gắn nuôi con.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn Nh.L, sinh ngày 22/4/2012 và Phạm Văn Th.A, sinh ngày 02/7/2018. Hiện nay các con đang sống với chị T tại H, sức khỏe các con tốt. Nếu ly hôn nguyện vọng của anh là muốn được nuôi dưỡng Phạm Văn Nh.L, chị T nuôi dưỡng Phạm Văn Th.A, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.QN phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Hồ Đắc Nh.T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật TTDS. Bị đơn anh Phạm Văn V không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật TTDS

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:* Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Đắc Nh.T xin ly hôn anh Phạm Văn V.

- Con chung: Chị Nh.T, anh V có 02 con chung là Phạm Văn Nh.L, sinh ngày 22/4/2012 và Phạm Văn Th.A, sinh ngày 02/7/2018. Giao 02 cháu L và A cho chị Nh.T nuôi dưỡng.

- Tài sản chung: Chị Nh.T và anh V không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Án phí HNGĐ: Chị Hồ Đắc Nh.T phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn V là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Vĩ theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Chị Hồ Đắc Nh.T và anh Phạm Văn V kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã HQ, huyện AL, T.T.H, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Nh.T nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân khoảng 4 năm, chị cũng đã nhiều lần viết đơn ly hôn nhưng vì con nên chị đã cố gắng bỏ qua, đến năm 2017 vợ chồng quay lại chung sống với nhau nhưng cũng chỉ được một thời gian thì lại tiếp tục mâu thuẫn, từ tháng 10/2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay chị và các con đang sống tại nhà cha mẹ chị ở T.T.H, còn anh V thì sinh sống, kinh doanh nhà hàng tại phường HC, Tp.QN.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh V để ổn định cuộc sống.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2020, anh V cũng đã thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần bất đồng quan điểm, đã có thời gian

sống ly thân từ năm 2012 đến năm 2017, anh cũng công nhận hiện nay vợ chồng không còn tình cảm, không còn trách nhiệm với nhau nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng các con còn nhỏ, anh mong muốn chị Nh.T suy nghĩ lại. Tuy anh V không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện nay anh và chị không còn sống chung, anh cũng không đến Tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm.

Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh V không đồng ý ly hôn nhưng cũng đã thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Đắc Nh.T được ly hôn anh Phạm Văn V là phù hợp với Điều 51, 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị Nh.T và anh V có hai con chung là Phạm Văn Nh.L, sinh ngày 22/4/2012 và Phạm Văn Th.A, sinh ngày 02/7/2018. Ly hôn chị Nh.T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung.

Tòa xét: Việc nuôi con sau khi ly hôn phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, hiện nay cháu Phạm Văn Th.A chưa được 3 tuổi và đang sống với chị Nh.T. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi do mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Còn cháu Phạm Văn Nh.L có nguyện vọng được sống với mẹ.

Do đó, HĐXX xét thấy nên giao cháu Phạm Văn Nh.L và Phạm Văn Th.A cho chị Nh.T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án, chị Nh.T yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (*hai triệu đồng*), nhưng tại phiên Tòa hôm nay, chị Nh.T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Nh.T, phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Nh.T, anh V không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí : Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội chị Hồ Đắc Nh.T phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố QN phát biểu phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Đắc Nh.T được ly hôn anh Phạm Văn V.

2- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

2.1. Chị Hồ Đắc Nh.T và anh Phạm Văn V có hai con chung là Phạm Văn Nh.L, sinh ngày 22/4/2012 và Phạm Văn Th.A, sinh ngày 02/7/2018.

2.2. Giao hai cháu Phạm Văn Nh.L và Phạm Văn Th.A cho chị Nh.T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh.T không yêu cầu, Tòa không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3 - Tài sản chung: Chị Hồ Đắc Nh.T không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4 - Án phí HNGĐST: Chị Hồ Đắc Nh.T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số số 0002284 ngày 04/12/2019 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố QN.

Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND Tp.Quy Nhơn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Ngọc Lan

